

Bản án số: **290/2022/HC-PT**

Ngày: 27/12/2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông **Nguyễn Tấn Trường**

*Các thẩm phán:* ông **Trương Công Thi** và ông **Nguyễn Tấn Long**

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** bà **Trần Thị Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 212/2022/TLPT-HC ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”; do Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2022/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 416/2022/QĐPT-HC ngày 30 tháng 11 năm 2022; giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: số nhà 738, đường H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt (bỏ về khi tuyên án).

**Người bị kiện:**

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định. Người đại diện theo ủy quyền: ông Dương Hiệp H - Phó Chủ tịch. Có đơn vắng mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình Đ - Phó Chủ tịch. Có đơn vắng mặt.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định. Người đại diện: ông Lê Văn T - Giám đốc. Có đơn vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình Đ - Phó Chủ tịch. Có đơn vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1966;

3/ Chị Nguyễn Thị Xuân H1, sinh năm 1986;

4/ Anh Nguyễn Xuân B1, sinh năm 1988;

5/ Chị Nguyễn Thị Xuân H2, sinh năm 1990 (chết năm 2006);

Cùng địa chỉ: Tổ 3, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

6/ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1962. Địa chỉ: Xã N1, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

7/ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1970. Địa chỉ: Xã N1, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

Người kháng cáo: người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Năm 1993, Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ gia đình bà gồm có 05 nhân khẩu: Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Xuân H1, Nguyễn Xuân B1, Nguyễn Thị Xuân H2, được nhận diện tích là 1.506m<sup>2</sup> gia đình bà đã sử dụng canh tác số diện tích nói trên ổn định, không ai tranh chấp. Vừa qua chồng bà là ông Nguyễn Văn L1 gây mâu thuẫn với bà và đã ly hôn, bà yêu cầu chia tài sản chung là nhà và đất nói trên thì bà phát hiện ông Nguyễn Văn L1 giả báo mất sổ đỏ và làm lại đứng tên chủ sử dụng đất là một mình ông, giấy được cấp lại ngày 11/01/2018, ông L1 cho rằng tài sản này là tài sản riêng của ông nên ông không đồng ý chia. Do đó bà nói đây là đất Nhà nước cấp cho hộ gia đình có 05 nhân khẩu chứ không phải tài sản vợ chồng tự tạo mà bảo là tài sản riêng, ông L1 là diện nào mà được nhận diện tích như vậy. Sau khi nghe bà trình bày ông L1 về làm đơn xác nhận ngày 09/7/2019 gồm 03 nhân khẩu được Nhà nước cân đối giao quyền năm 1993 gồm: Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Văn A và được Chủ tịch phường N ký xác nhận. Bà thấy việc Chủ tịch phường N làm không đúng tạo điều kiện tiếp tay cho ông L1 chiếm đoạt tài sản là quyền sử dụng đất của bà và các con bà.

Tại Văn bản số 1619/STNMT - TTr ngày 08/8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định có nêu họ tên từng người trong hộ khẩu cân đối giao quyền thì UBND phường N không có hồ sơ lưu trữ. Từ căn cứ này mới biết Chủ tịch UBND phường N ký xác nhận đơn xin xác nhận ngày 09/7/2019 là sai sự thật, bà làm đơn khiếu nại gửi đến các cấp ngày 10/12/2019 thì Chủ tịch UBND phường N giải quyết khiếu nại không công nhận nội dung đơn của bà là không đúng. Bà thấy Chủ tịch UBND phường N ký đơn xin xác nhận của ông L1 nói trên rồi lại giải quyết khiếu nại của bà như thế nào? Tại sao bà đã khiếu nại Chủ tịch phường N mà Chủ tịch UBND thành phố Q lại giao đơn khiếu nại của bà cho Chủ tịch phường N trả lời, làm bà bức xúc. Do đó, bà tiếp tục khiếu nại, thời gian dài bà không thấy giải quyết nên bà đến phòng tiếp dân và Thanh tra thành phố Q hỏi nhiều lần thì ngày 09/7/2020 UBND thành phố Q có mời bà đến đối thoại nhưng không có mặt Chủ tịch UBND phường N (ông Nguyễn Duy Nh) là người ký đơn xác nhận của ông L1. Nên vụ việc không được làm rõ. Trong buổi đối thoại Chủ tịch UBND thành phố Q căn cứ theo phương án giao quyền sử dụng ruộng đất được UBND thành phố Q phê duyệt tại Quyết định số 1385/QĐ-UB ngày 20/4/1993.

Tại phần B, mục II. 1 về điều tra thông kê hộ khẩu nắm chắc đối tượng trong diện chính sách, đối tượng già cả neo đơn, bộ đội tại ngũ, cán bộ hưu trí, CBCNV Nhà nước, học sinh, sinh viên đang theo học các trường trung học, đại học chuyên nghiệp... lấy sổ hộ khẩu (NK3) làm cơ sở để xác nhận nhân hộ khẩu. Trường hợp có người nhưng chưa có tên trong sổ hộ khẩu phải hướng dẫn thủ tục nhập khẩu cho nhân dân kịp thời, đúng pháp luật quy định. Thực tế khi thống kê nhân hộ khẩu bà đã ở tại nhà ông L1 năm 1985 và lần lượt sinh các con từ năm 1986, 1988 và 1990. Mặc dù chưa nhập hộ khẩu, ngày 12/4/1993, UBND xã N xây dựng phương án giao quyền sử dụng đất ổn định lâu dài cho nông dân xã N, thành phố Q. Ngày 20/4/1993, UBND tỉnh Bình Định có quyết định số 1385/QĐ-UB về việc phê duyệt đề án giao quyền sử dụng ruộng đất do UBND xã N xây dựng ngày 12/4/1993, thì lúc này bà và các con đã làm thủ tục nhập hộ khẩu xong vào ngày 06/5/1993 đến ngày 28/5/1993 ông L1 chồng bà đứng tên chủ hộ xin đăng ký quyền sử dụng đất. Điều này chứng tỏ ông L1 chờ vợ con nhập hộ khẩu xong mới làm đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất và đến ngày 13/10/1993 UBND thành phố Q mới cấp GCNQSDĐ. vấn đề này trong kết luận của Thanh tra thành phố Q không lưu ý, mà chỉ tập trung ở điểm c (tại phần B. Mục II. 1, trong đề án của xã N đó là: Thời điểm chốt nhân hộ khẩu trong phạm vi toàn xã lấy mốc thời gian tại lúc 0 giờ ngày 01/01/1993, sau thời điểm trên nhân khẩu tăng lên không tính thêm và giảm đi không rút bớt. Ý kiến đề án này nói lên những người sinh ngày 01/01/1993 có nhập khẩu đi nữa thì không được giao quyền sử dụng đất và những người mất đi thì Nhà nước cũng không có thu hồi, nhằm ổn định cân đối về hộ khẩu và ruộng đất, không

gây ảnh hưởng xáo trộn trong quá trình tiến hành. Còn bà và các con bà thì thống kê nhân khẩu gia đình bà đã kê khai và sinh sống thực tế tại hộ gia đình ông L1 và bà là hộ nông dân đúng đối tượng giao quyền sử dụng đất. Bà Nguyễn Thị C (NK3) nhưng bà có đất riêng bên cạnh và bà là hộ phi nông nghiệp nên không được giao quyền sử dụng đất trong diện tích đất 1.566m<sup>2</sup> giao cho ông L1 đứng tên khai là chủ hộ, có đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất lâu dài ngày 28/5/1993 nhưng không có ghi tên cụ thể từng nhân khẩu đồng thời hồ sơ lưu trữ cũng không có danh sách nhân hộ khẩu được cân đối giao quyền sử dụng đất (theo kết quả xác minh của thành phố Q. Vì bà Nguyễn Thị C không được giao quyền sử dụng đất trong diện tích đất 1.566m<sup>2</sup> nên ngày 09/7/2019 ông L1 có đơn xin xác nhận thành viên trong hộ sử dụng đất gồm: Nguyễn Thị L2 (chị ông L1), Nguyễn Văn L1 và Nguyễn Thị A (em ông L1) và được UBND phường N xác nhận là đúng. Đây là hành vi gian dối, chứ không thể gọi là nhầm lẫn được. Việc xác nhận này được UBND thành phố Q công nhận trong quyết định là không đúng. Mặt khác, bà Nguyễn Thị C có thửa đất số 1341, tờ bản đồ số 6, diện tích 273m<sup>2</sup> ký loại đất T sổ mục kê ghi tên bà Nguyễn Thị C tên chủ sử dụng thửa đất này, nên bà không có được giao quyền sử dụng đất trong diện tích đất 1.566m<sup>2</sup>. Cũng theo đề án của xã N tại phần c, mục II. 1. Đối tượng được giao quyền sử dụng đất lâu dài: Hộ nông nghiệp, đời sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp, hiện nay đang trực tiếp sản xuất có đăng ký hộ khẩu thường trú và phải có mặt, tính tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/1993. Vì vậy, lúc thống kê nhân hộ khẩu, mặc dù bà có hộ khẩu ở gia đình, cha bà là ông Nguyễn Trọng Th ở tổ 6, khu vực 7, phường N (trước đây thuộc thôn H4, xã N) nhưng không có mặt tại địa chỉ trên, vì bà theo chồng là ông Nguyễn Luận, thì không thể nói bà được thống kê nhân khẩu ở hộ cha ruột bà và không thể giao quyền sử dụng đất cho bà trong hộ cha ruột bà được. Việc UBND thành phố Q giải quyết khiếu nại lần 2 theo Quyết định số 4365/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 bà thấy chỉ đúng 1 phần đó là: Công nhận giấy xác nhận thành viên trong hộ sử dụng đất của ông Nguyễn Luận ngày 09/7/2019 là không đúng. Còn việc không công nhận nội dung đơn của bà khiếu nại, yêu cầu xác nhận cho bà và các con là những nhân khẩu được cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1 năm 1993 là một quyết định không đúng pháp luật. Vì: Theo kết quả xác minh của Thanh tra thành phố Q, heo hồ sơ cân đối giao quyền sử dụng đất ngày 28/5/1993 đứng tên chủ hộ Nguyễn Văn L1 (đối với hộ gia đình ông L1) có 3 nhân khẩu nhưng không ghi tên cụ thể từng nhân khẩu, đồng thời hồ sơ lưu trữ cũng không có danh sách nhân hộ khẩu được cân đối giao quyền sử dụng. Còn ông Nguyễn Văn A mặc dù có trong hộ khẩu chung với bà Nguyễn Thị C nhưng ông A có nghề xây dựng không phải là lao động nghề nông (trong NK3 nghề nghiệp ông A không kê khai nghề nghiệp là nghề nông). Theo Luật đất đai năm 1993 Nhà nước giao quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ nông dân chỉ đứng tên

cho hộ 1 người và mọi người trong hộ được quyền sử dụng đất. Nay bà làm đơn này yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4365/QĐ- UBND thành phố Q, hủy Quyết định số 257/QĐ-UBND phường N, hủy GCNQSDĐ lâu dài của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp cho ông Nguyễn Văn L1 vào ngày 11/01/2018.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác mà không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

***Người bị kiện UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định, đại diện theo ủy quyền ông Dương Hiệp H - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:***

Theo GCNQSDĐ số 00413 QSDĐ/L3 ngày 13/10/1993 do UBND thành phố cấp cho ông Nguyễn Văn L1 với tổng diện tích 1566m<sup>2</sup>, gồm các thửa đất: thửa số 1339, tờ bản đồ số 06, diện tích 490m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 290m<sup>2</sup> đất vườn) và thửa số 1340, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.076m<sup>2</sup>, loại đất lúa. UBND thành phố cấp GCNQSDĐ trên cơ sở giao quyền sử dụng ruộng, đất ổn định lâu dài cho hộ nông dân xã N do UBND xã N xác lập ngày 12/4/1993, được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 1385/QĐ- UB ngày 20/4/1993. Theo hồ sơ cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất, đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1, ông L1 kê khai trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 28/5/1993 đứng tên chủ hộ Nguyễn Văn L1 có 03 nhân khẩu nông nghiệp, nhưng không ghi tên cụ thể từng nhân khẩu. Hồ sơ lưu trữ tại UBND phường N cũng không có danh sách điều tra thống kê nhân hộ khẩu được cân đối giao quyền. Đồng thời, căn cứ sổ hộ khẩu của hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1 tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/1993 gồm có 03 nhân khẩu: Bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn Văn A, không có tên bà Nguyễn Thị L2. Do vậy, việc UBND phường N ký xác nhận trong đơn xin xác nhận ngày 09/7/2019, xác nhận thành viên sử dụng đất trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1 gồm 03 nhân khẩu, trong đó có tên bà Nguyễn Thị L2 là không đúng, nên đã dẫn đến việc khiếu kiện của bà Nguyễn Thị L. Việc bà Nguyễn Thị L khiếu nại, đề nghị xác nhận cho bà và các con (Nguyễn Thị Xuân H1, Nguyễn Xuân B1, Nguyễn Thị Xuân H2) là những nhân khẩu được cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1 năm 1993 là không có cơ sở, vì: Theo phương án giao sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho nông dân xã N được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 1385/QĐ-UB ngày 20/4/1993, thì đối tượng được cân đối giao quyền là hộ và nhân khẩu nông nghiệp, đời sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp, hiện đang trực tiếp sản xuất có đăng ký hộ khẩu thường trú ở

xã và phải có mặt tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/1993. Lấy sổ hộ khẩu (NK3) làm cơ sở để xác định nhân khẩu hộ khẩu thường trú trong việc điều tra thống kê nhân hộ khẩu. Thời điểm chốt nhân khẩu trong phạm vi toàn xã được lấy mốc thời gian tại lúc 0 giờ ngày 01/01/1993, sau thời điểm trên, nhân khẩu tăng lên không tính thêm và giảm đi không rút bớt, nhằm ổn định trong việc tính toán cân đối về nhân hộ khẩu và ruộng đất, không gây ảnh hưởng xáo trộn trong quá trình tiến hành.

Căn cứ sổ hộ khẩu của hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1 tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/1993 gồm có 03 nhân khẩu, bà Nguyễn Thị C (chủ hộ), ông Nguyễn Văn L1 (con), ông Nguyễn Văn A (con). Đến ngày 06/5/1993 (sau thời điểm chốt nhân hộ khẩu), bà Nguyễn Thị L và các con là Nguyễn Thị Xuân H1, Nguyễn Xuân B1, Nguyễn Thị Xuân H2 mới đăng ký nhập khẩu vào hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1. Do vậy, tại Quyết định số 257/QĐ- UBND ngày 10/12/2019 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L với nội dung: “Không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lan khiếu nại, yêu cầu xác nhận quyền sử dụng đất năm 1993 gồm 05 nhân khẩu là Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Xuân H1, Nguyễn Xuân B1, Nguyễn Thị Xuân H2” là đúng quy định. Bà Nguyễn Thị L có đơn khiếu nại việc UBND phường N xác nhận nhân khẩu được cân đối giao quyền sử dụng ruộng, đất trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1 không đúng và đề nghị xem xét giải quyết công nhận cho bà cùng 03 người con chung của bà với ông L1 là những nhân khẩu được cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất trong hộ gia đình ông L1 năm 1993. Căn cứ hồ sơ vụ việc, xét kết quả xác minh và đề xuất của Thanh tra thành phố tại Báo cáo số 118/BC-TTr ngày 23/6/2020. Ngày 15/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố ký ban hành Quyết định số 4365/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L với nội dung: Không công nhận nội dung của bà khiếu nại, yêu cầu xác nhận cho bà và các con Nguyễn Thị Xuân H1, Nguyễn Xuân B1, Nguyễn Thị Xuân H2 là những nhân khẩu được cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1 năm 1993. Công nhận Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L là đúng. Nội dung UBND phường N ký xác nhận trong đơn xin xác nhận về việc xác nhận thành viên trong hộ sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Luận ngày 09/7/2019, xác nhận thành viên sử dụng đất trong hộ gia đình ông L1 gồm 03 nhân khẩu, trong đó có tên bà Nguyễn Thị L2 là không đúng. Do đó việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 4365/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của Chủ tịch UBND thành phố là không có cơ sở.

***Người bị kiện UBND phường N, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đình Đ - Phó Chủ tịch UBND phường N trình bày:***

Ngày 12/4/1993, UBND xã N xây dựng phương án giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho nông dân xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Ngày 20/4/1993, UBND tỉnh Bình Định có Quyết định số 1385/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án cấp GCNQSDĐ xã N, thành phố Q (phương án giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho nông dân xã N xây dựng ngày 12/4/1993). Đơn xin đăng ký QSD ruộng đất ngày 18/5/1993 đứng tên Nguyễn Văn L1, sinh năm 1966, nghề nghiệp : làm nông, số nhân khẩu là 03, trong đó: 03 nhân khẩu nông nghiệp, gồm có thửa đất 1339, tờ bản đồ số 06 diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở và 290m<sup>2</sup> đất vườn thừa; thửa đất số 1340, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.076m<sup>2</sup>, loại đất lúa, đất hạng 3. Ông Nguyễn Văn L1 được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ số 00413 ngày 12/10/1993 trong đó có thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m<sup>2</sup> loại đất ở và 290m<sup>2</sup> loại đất vườn thừa, thửa đất 1340, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.076m<sup>2</sup> loại đất lúa.

Nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn L1: Căn cứ bản đồ 299 và sổ mục kê: Thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 06, diện tích 490m<sup>2</sup>, ký hiệu RTG; sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn L1 (đất thổ cư, diện tích 490m<sup>2</sup>); thửa đất 1415m<sup>2</sup>, ký hiệu 21 là loại đất trồng lúa, sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng: Ông Nguyễn Văn L1 được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ số 00413 ngày 13/10/1993, trong đó có thửa đất 1339, tờ bản đồ số 06 diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở và 290m<sup>2</sup> đất vườn thừa; thửa đất số 1340, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.076m<sup>2</sup>, loại đất lúa. Căn cứ đơn xin đăng ký QSD ruộng đất ngày 28/5/1993 đứng tên ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1966, trú quán thôn Tường Vân, xã N, thành phố Q, nghề nghiệp làm nông, số nhân khẩu là 03 (trong đó: 03 nhân khẩu nông nghiệp), bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn A gồm có thửa đất hạng 7, thửa đất số 1340, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.076m<sup>2</sup> loại đất lúa đất hạng 3. Căn cứ tại thời điểm chốt nhân khẩu tính từ thời điểm tại 0 giờ ngày 01/01/1993 bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 chưa thực hiện đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn L1 đến ngày 21/4/1993 mới thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định và đến ngày 06/5/1993 bà Nguyễn Thị L và các con Nguyễn Thị Xuân H1, sinh năm 1986, Nguyễn Xuân B1, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Xuân H2, sinh năm 1990 mới nhập hộ khẩu vào hộ ông Nguyễn Văn L1 sau thời điểm chốt nhân khẩu để thực hiện giao quyền sử dụng (sau thời điểm lúc 0 giờ ngày 01/01/1993). Do đó, việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Chủ tịch UBND phường N là không có cơ sở

***Người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định, ông Lê Văn T - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định trình bày:***

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 11/01/2018 đối với thửa

đất số 239, tờ bản đồ số 22, diện tích 490m<sup>2</sup>, tọa lạc tại tổ 3, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định cho ông Nguyễn Văn L1 trú tại: tổ 3, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Sở Tài nguyên và Môi trường đã giao Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh kiểm tra, báo cáo; trên cơ sở kết quả kiểm tra, báo cáo của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh tại Văn bản số 1387/VPĐK-ĐK&CGCN ngày 27/10/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định báo cáo như sau:

Ngày 13/10/1993, UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ số 00423 QSDĐ/L3 đối với 02 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 6, gồm: Thửa đất số 1340, diện tích 1.076m<sup>2</sup> đất lúa và thửa đất số 1339, diện tích 490m<sup>2</sup> (đất ở 200m<sup>2</sup>, đất vườn 290m<sup>2</sup>), phường N, thành phố Q cho ông Nguyễn Văn L1. Tổng diện tích 02 thửa là 1.566m<sup>2</sup>.

Ngày 28/11/2017, ông Nguyễn Văn L1 nộp hồ sơ đăng ký, cấp lại GVNQSDĐ do bị mất GCNQSDĐ tại 02 thửa đất nêu trên tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành phố Q. Thành phần hồ sơ ông L1 nộp gồm: Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ; Bản sao GCNQSDĐ số 00413 QSDĐ/L3 ngày 13/10/1993; Đơn xin báo mất GCNQSDĐ ngày 24/10/2017 của ông Nguyễn Văn L1; Thông báo số 181/TB-UBND ngày 26/10/2017 của UBND phường N về việc mất GCNQSDĐ, Biên bản kết thúc niêm yết ngày 27/11/2017 của UBND phường N, Hóa đơn GTGT số 0000005 ngày 30/10/2017 của Đài phát thanh và truyền hình Bình Định về việc thông báo mất GCNQSDĐ số 00413 QSDĐ/L3 được UBND thành phố Q cấp ngày 13/10/1993.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013, Điều 37, 77 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và khoản 2 Điều 10 Thông tư số 24/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. Trên cơ sở xác nhận của UBND phường N tại Biên bản kết quả niêm yết công khai Thông báo số 181/TB-UBND ngày 26/10/2017 của UBND phường N về việc mất GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn Luận. Theo đó, kết thúc thời gian niêm yết công khai, không có cá nhân, tổ chức nào đến báo cáo, khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến việc mất GCNQSDĐ số 00413 QSDĐ/L3 được UBND thành phố Q cấp ngày 13/10/1993 đối với 02 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 6, gồm: Thửa đất số 1340, diện tích 1.076m<sup>2</sup> đất lúa và thửa đất số 1339, diện tích 490m<sup>2</sup> (đất ở 200m<sup>2</sup>, đất vườn 290m<sup>2</sup>) cho ông Nguyễn Văn L1. Hồ sơ đủ điều kiện cấp lại GCNQSDĐ do bị mất theo quy định. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đã tiến hành kiểm tra hồ sơ, đo đạc bản đồ địa chính 02 thửa đất. Qua kiểm tra, thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 06, diện tích 490m<sup>2</sup> (đất ở 200m<sup>2</sup>, đất vườn 290m<sup>2</sup>) nay là thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, diện tích 490m<sup>2</sup>; Thửa đất số 1340, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.076m<sup>2</sup> loại đất lúa nay là thửa đất số 173, tờ



bản đồ số 22, diện tích 1031,6m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa, giảm 44,2m<sup>2</sup> so với GCNQSDĐ đã cấp, nguyên nhân giảm là do sai số trong đo đạc. Tổng diện tích đo đạc tại cả hai thửa đất là 1.521,6m<sup>2</sup>. Ngày 10/01/2018, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh có Tờ trình số 34/TTr-VPĐK về việc hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: 00413 QSDĐ/L3 được UBND thành phố Q cấp ngày 13/10/1993 cho ông Nguyễn Văn L1 sử dụng đất tại phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Căn cứ Tờ trình số 34/TTr-VPĐK ngày 10/01/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 22/QĐ-STNMT ngày 11/01/2018 về việc hủy GCNQSDĐ, số vào sổ cấp GCN: 00413 QSDĐ/L3 được UBND thành phố Q cấp ngày 13/10/1993 cho ông Nguyễn Văn L1. Đồng thời, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh (được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền ký cấp GCN) ký cấp lại 02 GCNQSDĐ 02 thửa đất nêu trên, cụ thể GCN số CS 01980 ngày 11/01/2018 thửa đất số 173, tờ bản đồ số 22 (thửa cũ là thửa 1340, tờ bản đồ số 06), diện tích 1.031,6m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa và GCN số CS01981 ngày 11/01/2018 thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22 (thửa cũ là thửa số 1339, tờ bản đồ số 6), diện tích 490m<sup>2</sup> (đất ở 200m<sup>2</sup>, đất vườn 290m<sup>2</sup>), phường N, thành phố Q cho ông Nguyễn Văn L1 theo đúng quy định của pháp luật. Việc Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh ký cấp lại 02 GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn L1 là đúng theo quy định của pháp luật về đất đai hiện hành, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường N, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đình Đ - Phó Chủ tịch UBND phường N trình bày:***

Ngày 12/4/1993, UBND xã N xây dựng phương án giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho nông dân xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Ngày 20/4/1993, UBND tỉnh Bình Định có Quyết định số 1385/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án cấp GCNQSDĐ xã N, thành phố Q (phương án giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho nông dân xã N xây dựng ngày 12/4/1993). Đơn xin đăng ký QSD ruộng đất ngày 18/5/1993 đứng tên Nguyễn Văn L1, sinh năm 1966, nghề nghiệp: làm nông, số nhân khẩu là 03, trong đó: 03 nhân khẩu nông nghiệp, gồm có thửa đất 1339, tờ bản đồ số 06 diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở và 290m<sup>2</sup> đất vườn thửa; thửa đất số 1340, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.076m<sup>2</sup>, loại đất lúa, đất hạng 3. Ông Nguyễn Văn L1 được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ số 00413 ngày 12/10/1993 trong đó có thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m<sup>2</sup> loại đất ở và 290m<sup>2</sup> loại đất vườn thửa, thửa đất 1340, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.076m<sup>2</sup> loại đất lúa.

Nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn L1: Căn cứ bản đồ 299 và sổ mục kê: Thửa đất số 1339, tờ bản đồ số 06, diện tích 490m<sup>2</sup>, ký hiệu RTG; sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Luận (đất thổ cư, diện tích 490m<sup>2</sup>);

thửa đất 1415m<sup>2</sup>, ký hiệu 21 là loại đất trồng lúa, sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng: Ông Nguyễn Văn L1 được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ số 00413 ngày 13/10/1993, trong đó có thửa đất 1339, tờ bản đồ số 06 diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở và 290m<sup>2</sup> đất vườn thừa; thửa đất số 1340, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.076m<sup>2</sup>, loại đất lúa. Căn cứ đơn xin đăng ký QSD ruộng đất ngày 28/5/1993 đứng tên ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1966, trú quán thôn Tường Vân, xã N, thành phố Q, nghề nghiệp làm nông, sổ nhân khẩu là 03 (trong đó: 03 nhân khẩu nông nghiệp), bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn A gồm có thửa đất hạng 7, thửa đất số 1340, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.076m<sup>2</sup> loại đất lúa hạng 3. Căn cứ tại thời điểm chốt nhân khẩu tính từ thời điểm tại 0 giờ ngày 01/01/1993 bà Nguyễn Thị L sinh năm 1968 chưa thực hiện đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn L1 đến ngày 21/4/1993 mới thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định và đến ngày 06/5/1993 bà Nguyễn Thị L và các con Nguyễn Thị Xuân H1, sinh năm 1986, Nguyễn Xuân B1, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Xuân H2, sinh năm 1990 mới nhập hộ khẩu vào hộ ông Nguyễn Văn L1 sau thời điểm chốt nhân khẩu để thực hiện giao quyền sử dụng (sau thời điểm lúc 0 giờ ngày 01/01/1993. Do đó, việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Chủ tịch UBND phường N là không có cơ sở

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 trình bày:***

Nguồn gốc thửa đất hiện đang tranh chấp là của ông bà ngoại ông để lại, ông bà ngoại ông không có con trai nên để lại cho mẹ ông sử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1993 được Nhà nước trình tự thủ tục căn cứ hộ khẩu hiện tại cấp QSDĐ cho hộ gia đình mẹ ông số 00413 QSDĐ/L3 do Chủ tịch UBND ký ngày 13/10/1993 gồm 03 nhân khẩu là mẹ ông bà Nguyễn Thị C chủ hộ (chết), ông Nguyễn Văn L1 (con), em Nguyễn Văn A (con). Năm 2009 do lũ lụt nước đã cuốn trôi tài sản và giấy tờ nhà mất hết. Năm 2017, ông mới làm đơn xin cấp lại GCNQSDĐ được chính quyền phường N và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh hướng dẫn trình tự thủ tục đúng pháp luật để cấp lại GCNQSDĐ. Vợ chồng ông mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ly hôn nhau bà Nguyễn Thị L có đơn tố cáo Chủ tịch UBND phường N và có biên bản làm việc ngày 05/02/2020 tại Thanh tra thành phố Q và rà soát các căn cứ đến ngày 15/7/2020 có Quyết định số 4365/QĐ-UBND do chủ tịch UBND thành phố ký. Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện Chủ tịch UBND thành phố, Sở Tài nguyên và Môi Trường, Chủ tịch UBND phường N yêu cầu hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 11/01/2018 đối với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, diện tích 490m<sup>2</sup>, tọa lạc tại tổ 3, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định cho ông Nguyễn Văn L1 trú tại: tổ 3, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định,

ông không đồng ý vì đất của gia đình ông còn được Nhà nước xét giao quyền sử dụng đất đúng pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Xuân H1 trình bày:***

Chị là con gái của ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị L, chị được biết GCNQSDĐ mà hiện nay đang tranh chấp này được tách GCNQSDĐ số 00413 QSDĐ/L3 đã được UBND thành phố Q cấp ngày 13/10/1993 đứng tên ông Nguyễn Văn L1. Năm 2018, ông Nguyễn Văn L1 đã báo mất GNCQSDĐ đã được cấp năm 1993 và xin được cấp lại có thể do thời gian quá lâu nên giấy tờ bị thất lạc. Từ khi được sinh ra, chị và cả gia đình chị sinh sống tại thửa đất nêu trên. Chị không biết chính xác thủ tục cấp QSDĐ số 00413 QSDĐ/L3 đã được UBND thành phố Q cấp ngày 13/10/1993, sau thời gian chị được sinh ra (năm 1986). Vì điều kiện không cho phép nên chị không thể tìm hiểu thông tin chính xác về việc thủ tục cấp GCNQSDĐ qua từng thời kỳ đối với thửa đất trên nên chị không có ý kiến về việc này. Chị đề nghị Tòa xác minh và thu thập tài liệu, chứng cứ và giải quyết theo pháp luật. Trường hợp chị là người liên quan đến thửa đất chị xin được nhận quyền lợi của mình bằng hiện vật.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2 trình bày:***

Bà là con bà Nguyễn Thị C và là chị ruột của ông Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn A, bà sinh ra và lớn lên tại thôn Tường Vân (cũ) nay tổ 3, khu vực 4, phường N, thành phố Q. Đến năm 1990 bà có chồng theo chồng sống tại xã N1 cho đến nay. Nguồn gốc thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, tại tổ 3, khu vực 4, phường N, thành phố Q, diện tích 490m<sup>2</sup> là của ông cố bà để lại cho ông ngoại bà. Ông ngoại bà không có con trai nên để lại cho mẹ bà là bà Nguyễn Thị C. Năm 1993 bà cắt khẩu theo chồng ở địa phương khác. Năm 1993 thực hiện chủ trương của Nhà nước căn cứ trên sổ hộ khẩu thực tế UBND thành phố Q cấp quyền sử dụng đất thửa số 239 cho mẹ bà là bà Nguyễn Thị C và hai con trai là Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn A. Đến năm 1996 nhà xây trên thửa đất mục nát nên mẹ bà tạm thời để vợ chồng Nguyễn Văn L1 xây dựng nhà để sinh hoạt và thờ tự ông bà chứ không cho vợ chồng Nguyễn Văn L1. Nên bà Nguyễn Thị L không có quyền sử dụng hai thửa đất và yêu cầu Tòa án bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A trình bày:***

Ông L1 là con bà Nguyễn Thị C sống tại thôn Tường Vân (cũ) nay tổ 3, khu vực 4, phường N, thành phố Q từ năm 1975 đến năm 1996, nguyên hai thửa đất số 1339, 1340 tại tổ 3, khu vực 4, phường N, thành phố Q, ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị L tranh chấp là của ông cố để lại cho ông ngoại ông. Ông ngoại không có con trai để lại cho mẹ ông L1 là bà Nguyễn Thị C sử dụng từ

trước năm 1975. Đến năm 1993 thực hiện chủ trương của Nhà nước căn cứ trên hộ khẩu thực tế UBND thành phố Q cân đối, cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông 03 nhân khẩu gồm mẹ là bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn Văn A (lúc này bà L và các con chưa nhập khẩu vào gia đình ông). Nên toàn bộ diện tích hai thửa đất nói trên không liên quan gì đến bà Nguyễn Thị L và các cháu H1 và Bình. Năm 1996, nhà mục nát nên tạm thời mẹ cho anh Luận xây lại nhà để ở và thờ tự ông bà chứ không cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L1, ông thống nhất ý kiến trình bày của ông L1. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về hủy GCN cấp cho ông Nguyễn Văn L1 vì không có cơ sở pháp luật.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Xuân B1, đã được Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại cũng như giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng đều không đến tòa, dấu địa chỉ, không khai báo.***

Với nội dung trên,

***Tại bản án hành chính sơ thẩm số 44/2022/HC- ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:***

- Căn cứ quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm h khoản 1 Điều 143; Điều 157; Điều 158; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 và văn bản hướng dẫn thi hành, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Thông tư số 07/2013/TT - TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT - TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công An.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

#### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Tòa án hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01980 tại thửa đất

số 173, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.031,6m<sup>2</sup> và sổ cs 01981 tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, diện tích 490m<sup>2</sup> của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 11/01/2018 cho ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1966, trú tại tổ 3, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4365/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L (lần hai) và hủy Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L địa chỉ số 738 đường H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (lần đầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/9//2022, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu sửa bản án, chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** người kháng cáo, bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện như trong đơn của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định; về tố tụng, án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục; về nội dung, án sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà L.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: các đương sự được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên có nhiều đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, theo đề nghị của đương sự có mặt tại phiên tòa là Người khởi kiện và của Kiểm sát viên, HĐXX thấy đây là phiên tòa được triệu tập lần thứ hai, các đương sự đều nhận được Giấy triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt của những người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên thống nhất quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung; HĐXX thấy rằng:

[2.1] Theo bản đồ 299 và sổ mục kê tại phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định thì thửa đất số 1339 có diện tích 490m<sup>2</sup> và thửa đất số 1340 có diện tích 1.415m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 06 đều ghi tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn L1.

Năm 1993, thực hiện chủ trương cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất cho cá nhân sử dụng vào mục đích nông nghiệp, UBND xã N (nay là phường N) đã lập phương án giao quyền cho nông dân của toàn xã; theo phương án được lập ngày 12/4/1993 thì tại phần Điều II, mục I, điểm c về điều tra thống kê nhân khẩu để cân đối giao quyền: Thời điểm chốt nhân khẩu trong phạm vi toàn xã được thống nhất lấy mốc thời gian tại 0 giờ ngày 01/01/1993, nếu sau thời điểm trên thì nhân khẩu tăng lên không tính thêm và nhân khẩu giảm đi không được rút bớt. Trong khi đó, Sổ hộ khẩu của gia đình ông Nguyễn Văn L1 do bà Nguyễn Thị C (mẹ ông L1) làm chủ hộ thể hiện 04 nhân khẩu có tên là: Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Xuân H1, Nguyễn Xuân B1, Nguyễn Thị Xuân H2 đăng ký nhập hộ khẩu trên vào ngày 06/5/1993. Đồng thời, theo Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 28/5/1993, ông L1 kê khai hộ gia đình gồm 3 nhân khẩu nông nghiệp nhưng không có tên của những người trên.

[2.2] Theo hồ sơ cân đối quyền sử dụng ruộng, đất đối với hộ ông Nguyễn Văn L1 thể hiện tại Sổ hộ khẩu và Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1 được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất đối với 2 thửa đất số 1339 có diện tích 490m<sup>2</sup> và thửa đất số 1340 có diện tích 1.415m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 06 cho 3 nhân khẩu nông nghiệp là bà Nguyễn Thị C (đăng ký ngày 30/12/1976), ông Nguyễn Văn A (đăng ký ngày 30/12/1976) và ông Nguyễn Văn L1 (đăng ký ngày 6/6/1990) là hoàn toàn phù hợp. Bà L và các con không được xét là các nhân khẩu được giao quyền sử dụng đất trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1 (do đăng ký nhập khẩu sau ngày chốt danh sách cân đối giao quyền), nên không được xác nhận là những nhân khẩu được cân đối giao quyền sử dụng ruộng, đất trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1 năm 1993 là có cơ sở.

[2.3] Như vậy Chủ tịch UBND phường N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 257/QĐ- UBND ngày 10/12/2019 và Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4365/QĐ-UBND ngày 15/7/2020; có nội dung: Không công nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị L yêu cầu xác nhận cho bà và các con (Nguyễn Xuân H1, Nguyễn Xuân B1, Nguyễn Thị Xuân H2) là những nhân khẩu được cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1 năm 1993 là đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có căn cứ. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận hủy 02 Quyết định giải quyết khiếu nại trên theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L có đúng quy định pháp luật.

[2.4] Đối với yêu cầu hủy 02 Giấy chứng nhận QSDĐ số CS01980 và số CS01981 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 11/01/2018 cho ông Nguyễn Văn L1; HĐXX thấy rằng: trước đây bà L đã yêu cầu tuyên hủy 02 Giấy chứng nhận QSDĐ số CS01980 và số CS01981 trong việc phản tố

tại vụ án ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi li hôn vào năm 2021. Tại Bản án sơ thẩm số 09/2021/HNGĐ-ST ngày 28/5/2021 của TAND tỉnh Bình Định và Bản án phúc thẩm số 04/2021/HNGĐ-PT ngày 06/12/2021 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng (án có hiệu lực pháp luật) đã tuyên: không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01980 và số CS01981 đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 22 (thửa cũ 1340, tờ bản đồ 06) và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22 (thửa cũ 1339, tờ bản đồ 06) của bà Nguyễn Thị L. Do đó, yêu cầu khởi kiện này thuộc trường hợp sự việc đã được giải quyết bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật quy định tại điểm d khoản 1 Điều 123 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính là có căn cứ.

[3] Từ nhận định trên đây; xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bà L kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới; do vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ.

[4] Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị L không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241, 242 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1/ Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2022/HC- ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Căn cứ quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm h khoản 1 Điều 143; Điều 157; Điều 158; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Thông tư số 07/2013/TT - TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT - TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công An.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Tòa án hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01980 tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.031,6m<sup>2</sup> và số cs 01981 tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, diện tích 490m<sup>2</sup> của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 11/01/2018 cho ông Nguyễn Văn Luận, sinh năm 1966, trú tại tổ 3, khu vực 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4365/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L (lần hai) và hủy Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L địa chỉ số 738 đường H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (lần đầu).

2/ Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ; bà L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0187 ngày 13/9/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (bà L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/12/2022).

*Nơi nhận:*

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P. HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Tấn Trường**